

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-01-2021

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Đàn

Bà Phạm Thị Yến

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hải Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa:* Bà Nhữ Thị Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2020/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về: “*Tranh chấp Hôn nhân gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐXX - HNGĐ ngày 25/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐXX - HNGĐ ngày 13/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1963

Hộ khẩu thường trú: Thôn Nghĩa Phú, xã Hoàng Lưu, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt ( Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 25/12/2020 ).

Bị đơn: Bà Cù Thị H - Sinh năm: 1972

Hộ khẩu thường trú: Phố 3, thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 30/11/2020 ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông với bà Cù Thị H đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, kết hôn ngày 13/02/1992 và được sự đồng ý của hai bên gia đình, tiến hành tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa ông và bà H xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau nên thường xuyên bất đồng nhau về quan điểm và lối sống, hay xảy ra cãi vã bất hòa. Thời gian kéo dài khiến cả hai bên đều cảm thấy mệt mỏi. Vợ chồng ông đã sống ly thân từ tháng 5/2017 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục tình trạng hôn nhân như hiện nay, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Cù Thị H.

- Về con cái: Vợ chồng ông có 02 chung tên là Nguyễn Thành Trung - sinh ngày 17/8/1992 và Nguyễn Hồng Nhung – sinh ngày 08/10/1998. Cả 02 con đều đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Vợ chồng ông đã tự phân chia tài sản bằng văn bản với nhau. Theo đó ông được toàn quyền sở hữu đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: V 360899 mang tên Nguyễn Văn T cùng vợ là Cù Thị H do ủy ban nhân dân huyện Hoằng Hóa cấp ngày 02/05/2002, thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 13 lập năm 1996, diện tích 200 m<sup>2</sup>, đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất Thôn Nghĩa Lập, xã Hoằng Lưu, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. ( Theo thỏa thuận chia tài sản chung vợ chồng ngày 18/01/2019 đã được văn phòng công chứng Bá Thuớc chứng nhận ).

Hiện nay mảnh đất này thuộc thửa đất 291 và 292; thuộc tờ bản đồ địa chính số 28 ( 193590 – 5 – a ) lập năm 2015, tổng diện tích thực tế sử dụng là 267 m<sup>2</sup>. Quá trình sử dụng ông đã nộp tiền thuế cho diện tích đất tăng thêm 67 m<sup>2</sup>. Sau đó chuyển nhượng một phần đất cho anh Nguyễn Quốc Cử và chị Cao Thị Khuyên diện tích đất là 100,1 m<sup>2</sup> ( Một trăm phẩy một mét vuông ). Còn lại 166,9 m<sup>2</sup> ( Một trăm sáu mươi sáu phẩy chín mét vuông ) ông đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 815549, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01916, do UBND huyện Hoằng Hóa cấp, thuộc thửa đất số 291, tờ bản đồ số 28 ( 196590 – 5 – a ) bản đồ địa chính xã Hoằng Lưu lập năm 2014, địa chỉ Thôn Nghĩa Phú, xã Hoằng Lưu, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Mảnh đất trên ông và bà Cù Thị H đã thỏa thuận thuộc quyền sở hữu của riêng ông. Nay ông đề nghị Tòa án công nhận diện tích đất 166,9 m<sup>2</sup> ( Một trăm sáu mươi sáu phẩy chín mét vuông ), đất ở tại nông thôn, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 815549, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01916, do UBND huyện Hoằng Hóa cấp, thuộc thửa đất số 291, tờ bản đồ số 28 ( 196590 – 5 – a ) bản đồ địa chính xã Hoằng Lưu lập năm 2014, địa chỉ: Thôn Nghĩa Phú, xã Hoằng Lưu, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa là thuộc quyền sở hữu của riêng ông. Đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án.

Quá trình giải quyết vụ án, UBND xã Hoằng Lưu đã xác nhận: Mảnh đất diện tích đất 166,9 m<sup>2</sup> ( Một trăm sáu mươi sáu phẩy chín mét vuông ) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 815549, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01916, do UBND huyện Hoằng Hóa cấp, thuộc thửa đất số 291, tờ bản đồ số 28 ( 196590 – 5 – a ) bản đồ địa chính xã Hoằng Lưu lập năm 2014, địa chỉ Thôn Nghĩa Phú, xã Hoằng Lưu, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa là có nguồn gốc từ mảnh đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V: 360899 mang tên ông Nguyễn Văn T cùng vợ là Cù Thị H do ủy ban nhân dân huyện Hoằng Hóa cấp ngày 02/05/2002, thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 13 lập năm 1996, diện tích 200 m<sup>2</sup>, đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất Thôn Nghĩa Lập, xã Hoằng Lưu, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Ngoài mảnh đất này ra tại xã Hoằng Lưu, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa ông T không còn đứng tên trên mảnh đất nào khác.

Tại bản tự khai ngày 02/12/2020 bà Cù Thị H trình bày: Hiện tại bà và ông T không liên quan gì đến nhau. Vì công việc nên bà không tham gia làm việc với Tòa án và hiện tại bà với ông T đã không sống chung.

Về tài sản: Bà với ông T đã thỏa thuận công chứng chia theo biên bản ngày 18/01/2019 tại Văn phòng công chứng Bá Thước. Các thành viên trong gia đình đã thống nhất ký vào biên bản có phòng công chứng chứng nhận theo thủ tục đúng pháp luật

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng bà H trình bày vì công việc bà H không tham gia làm việc với Tòa án được nên tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho bà H theo khoản 3 điều 210 BLTTDS. Bà H cũng đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, ông T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ điều 227, điều 228, điều 238 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà H.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án áp dụng điều 14 và điều 16 Luật hôn nhân và gia đình xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Cù Thị H. Về tài sản: Đề nghị công nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản giữa ông T và bà H. Ông T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Cù Thị H đến với nhau tự nguyện từ năm 1992, được sự đồng ý của hai bên gia đình, tiến hành tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn Hai bên chung sống đã hơn 20 năm và đã có 02 đứa con chung với nhau. Quá trình chung sống giữa ông T và bà H xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau nên thường xuyên bất đồng nhau về quan điểm và lối sống, hay xảy ra cãi vã bất hòa. Thời gian kéo dài khiến cả hai bên đều cảm thấy mệt mỏi. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 5/2017 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay cả ông T và bà H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên ông T và bà H yêu cầu Toà án giải quyết cho ông T và bà H được ly hôn và thỏa thuận phân chia tài sản. Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1, khoản 7 điều 28 BLTTDS. Xét thấy, ông T và bà H có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, căn cứ điều 14 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại điểm c khoản 3 nghị quyết số 35/2000/ NQ - QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn Văn T và bà Cù Thị H là vợ chồng.

[2]. Về con cái: Ông T và bà H có 02 chung tên là Nguyễn Thành Trung - sinh ngày 17/8/1992 và Nguyễn Hồng Nhung – sinh ngày 08/10/1998. Cả 02 con đều đã thành niên nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3]. Về tài sản: Theo thỏa thuận chia tài sản chung vợ chồng ngày 18/01/2019 đã được văn phòng công chứng Bá Thước chứng nhận. Ông T và bà H đã tự phân chia tài sản bằng văn bản với nhau. Theo đó ông T được toàn quyền sở hữu đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: V 360899 mang tên Nguyễn Văn T cùng vợ là Cù Thị H do ủy ban nhân dân huyện Hoằng Hóa cấp ngày 02/05/2002, thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 13 lập năm 1996, diện tích 200 m<sup>2</sup>, đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất Thôn Nghĩa Lập, xã Hoằng Lưu, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Mảnh đất này hiện tại đã được UBND xã Hoằng Lưu, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xác nhận chính là Mảnh đất diện tích đất 166,9 m<sup>2</sup> ( Một trăm sáu mươi sáu phẩy chín mét vuông ) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 815549, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01916, do UBND huyện Hoằng Hóa cấp, mang tên Nguyễn Văn T và Cù Thị H thuộc thửa đất số 291, tờ bản đồ số 28 ( 196590 – 5 – a ) bản đồ địa chính xã Hoằng Lưu lập năm 2014, địa chỉ Thôn Nghĩa Phú, xã Hoằng Lưu, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Ngoài mảnh đất này ra tại xã Hoằng Lưu, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa ông T không còn đứng tên trên mảnh đất nào khác. Sở dĩ có sự biến động về diện tích và số thửa, tờ bản đồ là do ông T trong quá trình sử dụng ông đã nộp tiền thuế cho diện tích đất tăng thêm 67 m<sup>2</sup>, tổng diện tích thực tế sử dụng là 267 m<sup>2</sup>, Sau đó chuyển nhượng một phần đất cho anh Nguyễn Quốc Cử và chị Cao Thị Khuyên diện tích đất là 100,1 m<sup>2</sup> ( Một trăm phẩy một mét vuông ). Còn lại 166,9 m<sup>2</sup> ( Một trăm sáu mươi sáu phẩy chín mét vuông ), sau đó ông đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này. Như vậy, các bên đã tự thỏa thuận với nhau về việc định đoạt mảnh đất này thuộc quyền sở hữu của riêng ông T. Việc thỏa thuận này đã được Văn phòng công chứng Bá Thước chứng nhận nên ông T đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng riêng của ông đối với mảnh đất này là có căn cứ và được chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với án phí phân chia tài sản chung. Do các đương sự đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án trước khi Tòa án thụ lý giải quyết và tiến hành hòa giải nên ông T và bà H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* Căn cứ vào: Khoản 1 điều 14, điều 16 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1, khoản 7 điều 28, khoản 2 điều 206, điểm a, b khoản 2 điều 227, điều 228, điều 238, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm c khoản 3 nghị quyết số 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, d khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Cù Thị H.

2/ Về tài sản: Công nhận mảnh đất diện tích đất 166,9 m<sup>2</sup> ( Một trăm sáu mươi sáu phẩy chín mét vuông ), đất ở tại nông thôn. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 815549, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01916, do UBND huyện Hoàng Hóa cấp, mang tên Nguyễn Văn T và Cù Thị H, thuộc thửa đất số 291, tờ bản đồ số 28 ( 196590 – 5 – a ) bản đồ địa chính xã Hoàng Lưu lập năm 2014, địa chỉ mảnh đất: Thôn Nghĩa Phú, xã Hoàng Lưu, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thuộc quyền sở hữu riêng của ông Nguyễn Văn T.

- Ông T có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với mảnh đất trên theo quy định của pháp luật đất đai.

\* Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm ông T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước, theo biên lai số AA/2019/0007451 ngày 16/11/2020. Ông T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt ông Nguyễn Văn T và bà Cù Thị H. Ông T và bà H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Bá Thước;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Cảnh Năng
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Hùng**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Đàn**

**Phạm Thị Yên**

**Phạm Văn Hùng**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Thị Huyền**

**Nguyễn Thị**

**Phạm Văn Hùng**

## Chương



